TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÙNG KHÁNH** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 11/4/2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÙNG KHÁNH - TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đinh Quang Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Xuân

Ông Nông Thế Hạp

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Văn Quỳnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn Dũng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Văn M, sinh năm 1984; địa chỉ: Xóm P - Cô B, xã P, huyện T, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Chị Nông Thị H, sinh năm 1979; địa chỉ: Xóm P - Cô B, xã P, huyện T, tỉnh Cao Bằng (Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Đ, Bộ Công an; địa chỉ: Xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk); vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/02/2025 và các lời khai tiếp theo tại Tòa nguyên đơn Lê Văn M trình bày: Anh và chị Nông Thị H kết hôn ngày 21/01/2008, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Sau kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, yêu thương chăm sóc nhau. Quá trình chung sống hai vợ chồng có 02 con chung là: Lê Nông Phương T (sinh ngày 14/6/2007); Lê Nông Thanh V (sinh ngày 23/5/2010).

Năm 2015, chị H bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 20 năm tù về tội Vận chuyển trái phép chất ma túy, hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Đ, Bộ Công an. Từ khi chị H bị bắt giam, anh một mình nuôi con. Do vợ, chồng xa cách lâu đến nay anh xác định không còn tình cảm với chị Nông Thị H, yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Về con chung: Sau khi ly hôn, anh M yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống hai vợ chồng tạo lập được 01 ngôi nhà, diện tích khoảng 100 m^2 tại xóm P - Cô B, xã P, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Sau khi ly hôn để lại cho các con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai 06/3/2025 chị Nông Thị H trình bày: Chị xác nhận các vấn đề về thời gian kết hôn, con cái, nợ chung như anh H trình bày là đúng. Hiện chị đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Đ, Bộ Công an. Chị xác định hiện vẫn còn tình cảm với anh M. Anh M yêu cầu ly hôn chị không nhất trí vì muốn con được sống với cả bố và mẹ, không muốn làm ảnh hưởng đến các con. Chị H xác định căn nhà cấp bốn tại xóm P - Cô B, xã P, huyện T, tỉnh Cao Bằng không phải là tài sản chung mà tài tài sản riêng của chị do bố, mẹ chị để lại cho chị trước thời kỳ hôn nhân, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi nhận ý kiến của con chung (cháu Lê Nông Phương T, cháu Lê Nông Thanh V) có ý kiến: Hiện tại các cháu đang sống cùng bố Lê Văn M. Trường hợp bố, mẹ ly hôn các cháu mong muốn được sống với bố vì mẹ đang chấp hành án tại Trại giam.

Tại phiên tòa:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa thông qua tóm tắt nội dung vụ án và lời khai của những người vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo thủ tục tố tụng dân sự, không có vi phạm trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Các đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Về hướng giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228 và 271 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho anh Lê Văn M được ly hôn với chị Nông Thị H.

Về con chung: Giao 02 con chung Lê Nông Phương T, sinh ngày 14/6/2007 và Lê Nông Thanh V, sinh ngày 23/5/2010 cho anh Lê Văn M chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến 18 tuổi. Không đặt vấn đề cấp dưỡng đối với chị Nông Thị H. Vì quyền lợi của con, chị H có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Anh Lê Văn M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của các đương sự, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về thẩm quyền: Bị đơn Nông Thị H có hộ khẩu thường trú và trước khi đi chấp hành án cư trú tại: Xóm P - Cô B, xã P, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Vì vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

[2]. Về tố tụng*:* Bị đơn Nông Thị H đang chấp hành án tại Trại giam Đ, Bộ C (địa chỉ: Xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk) nên không thể có mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét thấy đã có lời khai trong hồ sơ và việc vắng mặt của bị đơn và nguyên đơn không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3]. Về quan hệ hôn nhân:

Anh Lê Văn M và chị Nông Thị H kết hôn vào ngày 21/01/2008, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Anh M và chị H đủ điều kiện kết hôn; không thuộc trường hợp cấm kết hôn và được đăng ký đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại các Điều 9, 10, 11, 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh M và chị H là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4]. Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:

Nguyên đơn cho rằng từ khi kết hôn, hai vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc và có với nhau 02 đứa con chung. Năm 2015 chị H đã vi phạm pháp luật và phải chấp hành án phạt tù với thời gian dài, từ đó làm cho tình cảm anh dành cho chị phai nhạt dần, hiện anh đã không còn tình cảm với chị H.

Chị H cho rằng vẫn còn tình cảm với anh M, không nhất trí ly hôn. Tuy nhiên chị H đi chấp hành án phạt tù từ năm 2015, là nguyên nhân dẫn đến hai vợ chồng không chung sống với nhau, không trực tiếp chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nuôi dưỡng, dạy bảo con cái.

Từ những phân tích, nhận định trên, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa hai vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn

nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của anh M và ý kiến của Kiểm sát viên là có căn cứ nên cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

[4]. Về con chung:

Anh M và chị H có 02 con chung: Lê Nông Phương T, sinh ngày 14/6/2007; Lê Nông Thanh V, sinh ngày 23/5/2010, hiện tại các cháu đang sinh sống với anh M. Sau khi ly hôn anh M yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung; nếu bố, mẹ ly hôn, cháu T, cháu V có nguyện vọng được sống cùng bố; mặt khác chị H đang trong thời gian chấp hành án tại Trại giam, không có điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Vì vậy, cần tiếp tục giao cháu T và cháu V cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành hoặc đến khi có bản án, quyết định khác của Tòa án thay thế. Anh M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì quyền lợi của con, khi có căn cứ, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Toà án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Anh M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn M được ly hôn với chị Nông Thị H.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Nông Phương T, sinh ngày 14/6/2007 và cháu Lê Nông Thanh V, sinh ngày 23/5/2010 cho anh Lê Văn M trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi (hoặc đến khi có bản án, quyết định khác của Tòa án thay thế). Không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với chị Nông Thị H.

Sau khi ly hôn, Chị H có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được phép cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi của con, khi có căn cứ, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Anh Lê Văn M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước. Xác nhận anh đã nộp đủ theo biên lai số 0002794 ngày 18/02/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

5. Về quyền kháng cáo:

Anh Lê Văn M, chị Nông Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện Trùng Khánh;
- THADS huyện Trùng Khánh;
- UBND xã P,
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Quang Toàn